

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22 /2016/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2016

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về mức hỗ trợ trong việc áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt;

Căn cứ Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ trưởng Bộ NN-PTNT về Hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày

25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Thông tư số 54/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về công nhận các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt khác cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành qui định về chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 270/TTr-SNN, ngày 22/01/2016,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức hỗ trợ trong việc áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi chung việc tổ chức thực hiện, kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Thủ trưởng các đơn vị, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
  - Bộ NN-PTNT;
  - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
  - UBND các huyện, TX. Long Khánh, TP. Biên Hoà;
  - Trung tâm Công báo tỉnh;
  - Chánh, phó Văn phòng UBND tỉnh;
  - Lưu VT, CNN.
- Th.cnn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Chánh**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về mức hỗ trợ trong việc áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22.../2016/QĐ-UBND ngày 31 / 3 / 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định mức hỗ trợ trong việc áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản phục vụ cho diện tích quy hoạch vùng sản xuất tập trung đủ điều kiện áp dụng VietGAP, bao gồm:

a) Điều tra, phân tích các nguồn lực, cơ sở hạ tầng, đánh giá thực trạng, yêu cầu sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

b) Khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước của vùng quy hoạch;

c) Đầu tư sản xuất, sơ chế, tiêu thụ sản phẩm;

d) Chứng nhận sản phẩm áp dụng VietGAP.

#### **Điều 2. Đối tượng và sản phẩm áp dụng**

Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất, sơ chế các loại sản phẩm nông lâm thủy sản an toàn thuộc Danh mục sản phẩm được hỗ trợ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, gồm có:

1. Sản phẩm trồng trọt: rau, quả, chè, cà phê, hồ tiêu, lúa;

2. Sản phẩm chăn nuôi: lợn, gia cầm, thủy cầm, bò sữa, ong;

3. Sản phẩm thủy sản: cá tra, tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá rô phi, tôm càng xanh, cá rô đồng, cá chêm.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Sản phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn (gọi chung là sản phẩm VietGAP) là sản phẩm thuộc một trong các loại sau:

a) Sản phẩm được sản xuất, sơ chế phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

b) Sản phẩm được sản xuất, sơ chế phù hợp với VietGAP do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc GAP khác được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận cho áp dụng.

c) Sản phẩm được sản xuất, sơ chế phù hợp với các tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận cho áp dụng.

2. Áp dụng VietGAP là quá trình áp dụng VietGAP ở một trong hai cấp độ sau:

a) Áp dụng các tiêu chí chủ yếu của VietGAP liên quan đến an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc được cụ thể hóa trong quy chuẩn kỹ thuật, quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, sơ chế và quy chuẩn kỹ thuật, quy định về điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm;

b) Áp dụng toàn bộ các tiêu chí của VietGAP liên quan đến an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, bảo vệ môi trường và sức khỏe cho người lao động trong sản xuất, sơ chế sản phẩm.

## **Chương II**

### **ĐIỀU KIỆN TRÌNH TỰ THỦ TỤC HỖ TRỢ**

#### **Điều 4. Điều kiện đối với người sản xuất được hỗ trợ kinh phí**

1. Có sản phẩm đăng ký thực hiện áp dụng VietGAP quy định tại Điều 2 Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sản phẩm nông, lâm, thủy sản phù hợp với ngành nông nghiệp của tỉnh; đồng thời cam kết thực hiện, duy trì việc sản xuất, sơ chế sản phẩm nông, lâm sản VietGAP kể cả khi kết thúc hỗ trợ.

2. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất được hỗ trợ khi

a) Có hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm được ghi trong giấy đăng ký áp dụng VietGAP và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tại địa điểm đăng ký áp dụng VietGAP.

b) Bao gồm: Các hộ gia đình, cá nhân đang sản xuất nông nghiệp, chủ trang trại, các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **Điều 5. Trình tự, thủ tục hỗ trợ kinh phí**

1. Thành phần hồ sơ: Giấy đăng ký thực hiện áp dụng VietGAP theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này (kèm theo hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm).

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3. Quy trình xem xét hỗ trợ:

a) Người sản xuất có nhu cầu hỗ trợ kinh phí tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 của Điều 6 tại Quy định này gửi Giấy đăng ký thực hiện áp dụng VietGAP về UBND cấp xã nơi đăng ký áp dụng VietGAP để xác nhận.

b) Người sản xuất chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và nộp trực tiếp về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng xét duyệt để thẩm định hồ sơ gồm 03 thành viên (phòng Kế hoạch Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, chủ cơ sở sản xuất) kiểm tra điều kiện sản xuất thực tế, hội đồng thẩm định trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quyết định hỗ trợ kinh phí đối với những tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện quy định. Trường hợp người sản xuất không đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo bằng văn bản cho đối tượng và nêu rõ lý do.

d) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản trình phê duyệt hồ sơ hỗ trợ kinh phí của Hội đồng xét duyệt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét ban hành quyết định hỗ trợ.

### **Điều 6. Nội dung và mức hỗ trợ**

1. Hỗ trợ 100% kinh phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông lâm sản áp dụng VietGAP do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo, tập huấn, dạy nghề

a) Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông về nội dung ISO, GMP, HACCP, tư vấn viên, đánh giá viên, thanh tra viên.

b) Lao động nông nghiệp trong sản xuất, sơ chế sản phẩm VietGAP về các nội dung Quản lý tổng hợp dịch hại (IPM), Quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), kiểm soát và đánh giá môi nguy trong sản xuất, sơ chế, chế biến thực phẩm (HACCP), hướng dẫn phương pháp thực hành sản xuất tốt (GMP).

Kinh phí và mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại các chương trình, dự án lồng ghép thực hiện VietGAP.

3. Hỗ trợ không quá 50% tổng vốn đầu tư xây dựng, cải tạo: Đường giao thông, hệ thống thủy lợi, trạm bơm, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống phụ trợ nuôi trồng thủy sản, hệ thống cấp thoát nước, kho bảo quản, nhà sơ chế rau quả, trạm cấp nước phục vụ sơ chế của vùng sản xuất tập trung đảm bảo phù hợp với yêu cầu kỹ thuật VietGAP; 50% vốn còn lại (nếu có nhu cầu vay ngân hàng) áp dụng theo “Điều 8 tại Quyết định 58/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 24/11/2014 ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Hỗ trợ áp dụng tiên bộ kỹ thuật mới trong sử dụng giống kháng sâu bệnh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM): Nội dung chi và mức chi theo Quyết định số 52/2011/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về việc sử dụng kinh phí hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

5. Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại thực hiện theo quy định hiện hành được UBND tỉnh Đồng Nai ban hành.

6. Riêng đối với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có dự án sản xuất, sơ chế sản phẩm áp dụng toàn bộ các tiêu chí của VietGAP, ngoài những chính sách nêu trên, còn được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 100 % kinh phí tư vấn khoa học công nghệ để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có dự án sản xuất, sơ chế sản phẩm áp dụng VietGAP.

b) Kinh phí cấp Giấy Chứng nhận sản phẩm VietGAP: Hỗ trợ 100% kinh phí cấp lần đầu; 70% cấp lại lần 1 và 50 % cấp lại lần 2.

c) Kinh phí thuê cán bộ hỗ trợ tư vấn về kỹ thuật trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thủy sản; tư vấn duy trì, phát triển hệ thống quản lý chất lượng sau khi chứng nhận để

duy trì, nhân rộng diện tích áp dụng GAP. Kinh phí thuê cán bộ hỗ trợ tư vấn được quy định như sau:

- 5 triệu đồng/năm /ha canh tác cây trồng, nuôi trồng thủy sản;
- 10 triệu đồng/năm /cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm, ong mật.

d) Kinh phí hỗ trợ kiểm soát mối nguy trong nuôi trồng thủy sản gồm kiểm soát bệnh, an toàn thực phẩm, vật tư dùng xử lý nước thải: Hỗ trợ 100% kinh phí cấp lần đầu; 70% cấp lại lần 1 và 50 % cấp lại lần 2.

đ) Kinh phí hỗ trợ kiểm soát bảo hộ sau tiêm phòng heo (lở mồm long móng, dịch tả); gà (cúm gia cầm, newcastle): Hỗ trợ 50% kinh phí.

7. Người sản xuất có dự án đầu tư sản xuất, sơ chế sản phẩm áp dụng VietGAP ngoài việc được hưởng chính sách này còn được hưởng các chính sách hỗ trợ và ưu đãi khác theo quy định hiện hành của tỉnh (nội dung hỗ trợ không được trùng với quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 của Điều này).

### **Điều 7. Nguồn kinh phí**

Kinh phí đầu tư, hỗ trợ áp dụng VietGAP trong sản xuất, sơ chế được ưu tiên sử dụng từ ngân sách tỉnh, ngân sách Trung ương thông qua các chương trình, dự án có liên quan và các nguồn khác.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện tổ chức triển khai Quy định này; tham mưu đề xuất định mức kinh phí hỗ trợ theo quy định.

b) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức lập Hội đồng xét duyệt các dự án đăng ký hỗ trợ áp dụng VietGAP theo Quyết định của UBND tỉnh.

c) Đánh giá, đề xuất tổ chức chứng nhận sản xuất, sơ chế sản phẩm nông lâm thủy sản đạt tiêu chuẩn VietGAP.

d) Tham mưu UBND tỉnh đề xuất đề xuất với Bộ, ngành Trung ương thông qua các chương trình, dự án để hỗ trợ đầu tư kinh phí xây dựng, cải tạo kết cấu hạ tầng cho vùng đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản tập trung đáp ứng yêu cầu VietGAP.

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết.

e) Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Đồng Nai, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện. Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh theo dõi chung việc tổ chức thực hiện, kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện.

## 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ và lồng ghép các nguồn vốn để triển khai thực hiện theo đúng quy định.

## 3. Sở Tài chính

Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan phân bổ kinh phí sự nghiệp hàng năm trình cấp có thẩm quyền để thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quy định này.

## 4. Sở Công Thương

Thực hiện chính sách xúc tiến thương mại về tiêu thụ sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP theo quy định hiện hành.

## 5. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn, hỗ trợ người sản xuất đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới công nghệ sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật áp dụng quy trình VietGAP.

## 6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp các địa phương, sở ngành liên quan hướng dẫn các nội dung liên quan đến công tác bảo vệ môi trường trong việc áp dụng VietGAP vào sản xuất trên địa bàn tỉnh.

## 7. UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hoà

a) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai quy hoạch phát triển nông nghiệp, xây dựng quy hoạch chi tiết vùng sản xuất tập trung trên địa bàn.

b) Hàng năm, xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí hỗ trợ kinh phí cơ sở sản xuất, sơ chế sản phẩm nông lâm thủy sản an toàn gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Chỉ đạo các ban ngành trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã vận động tuyên truyền, hướng dẫn triển khai áp dụng và nhân rộng VietGAP tại địa phương.



d) Trên cơ sở quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp của địa phương, tổ chức rà soát, xây dựng kế hoạch cánh đồng lớn.

đ) Phối hợp với các Sở, ngành, các tổ chức có liên quan, vận động và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, các tổ chức, hộ gia đình tham gia chương trình cánh đồng lớn.

#### 8. Các tổ chức đoàn thể, hiệp hội

Hội Nông dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh phối hợp tổ chức vận động tuyên truyền, triển khai các chính sách hỗ trợ đầu tư sản xuất, sơ chế, tiêu thụ sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.

#### 9. Người sản xuất thực hiện VietGAP

a) Lập hồ sơ đăng ký theo quy định tại Điều 5 của Quy định này gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Thực hiện những quy định tại Luật An toàn thực phẩm, các quy định, hướng dẫn liên quan đến VietGAP.

#### 10. Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai

Thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật liên quan đến sản xuất, sơ chế, tiêu thụ sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 9. Việc sửa đổi, bổ sung**

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Chánh**

## Phụ lục I

### Mẫu Giấy đăng ký áp dụng VietGAP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22 /2016/QĐ-UBND ngày 31 /3/2015 của UBND tỉnh)

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm ....

### GIẤY ĐĂNG KÝ ÁP DỤNG VietGAP

**Kính gửi: (Chủ đầu tư dự án áp dụng VietGAP)**

1. Tên người sản xuất:.....

2. Địa chỉ:.....

ĐT .....Fax .....Email.....

3. Quyết định thành lập hoặc Giấy phép kinh doanh (nếu có):

4. Đăng ký áp dụng VietGAP:

- Giai đoạn áp dụng: Sản xuất ; Sơ chế ; Sản xuất và sơ chế

- Chung loại sản phẩm:

- Diện tích sản xuất (ha hoặc m<sup>2</sup> )

- Công suất sơ chế (kg hoặc tấn/ngày):

- Sản lượng sản xuất/sơ chế (kg hoặc tấn/năm):

- Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm: ..... hoặc

- Phương án tiêu thụ sản phẩm VietGAP:.....

5. Chúng tôi cam kết áp dụng VietGAP trong quá trình

Sản xuất ; Sơ chế ; Sản xuất và sơ chế ; đối với sản phẩm ...

Đề nghị ... (Chủ đầu tư dự án) ... cho tham gia dự án VietGAP để được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ./.

**Xác nhận của UBND**

**xã/ phường/ thị trấn**

(Ký tên, đóng dấu)

**Người sản xuất**

(Ký tên, đóng dấu nếu có)